TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33**/2024/HS-ST
Ngày: 17/7/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên Tòa:* Ông Phạm Long Hồ.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*1. Ông Đặng Hoàng Mích.

2. Ông Nguyễn Thanh Lâm.

- *Thư ký phiên Tòa:* Bà Lê Thị Kim Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa*: Ông Trần Văn Tư – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2024/TLST-HS, ngày 18 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2024, đối với bị cáo:

Lê Trung T, sinh ngày 09/4/1994 tại tỉnh Bến Tre. Giới tính: Nam.

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Văn Đ, sinh năm 1968 và bà Dương Ngọc Y, sinh năm 1974. Bị cáo có 01 người chị, sinh năm 1992. Bị cáo có vợ tên Đặng Hồng L, sinh năm 2002 và có 01 người con sinh năm 2023.

- Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" và "Tạm hoãn xuất cảnh" từ ngày 25/3/2024 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 11 giờ 45 phút, ngày 27/01/2024, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân tại tuyến đường N thuộc ấp A, thị trấn B có xảy ra vụ va chạm giao thông giữa xe mô tô biển số 63H9-0798 do Lê Trung T, sinh ngày 09/4/1994, nơi thường trú ấp P, xã T, huyện B điều khiển và xe đạp điện do Đinh Thị Khánh N, sinh năm 2010, đăng ký thường trú: ấp A, xã T điều khiển

chở theo sau là Võ Thị Kim T1, sinh năm 2010, đăng ký thường trú: ấp A, xã T. Sau va chạm, T để xe lại hiện trường và bỏ chạy, bị lực lượng chức năng đuổi theo. Khi đến bãi đất trống của ông Phan Thanh H, thuộc ấp A, thị trấn B thì từ trong túi quần bên trái, loại quần thể thao của T, rơi ra 01 đoạn ống nhựa màu đỏ, hàn kín 02 đầu, bên trong chứa tinh thể rắn nghi là ma túy. Lực lượng chức năng tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong vật chứng có liên quan.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 đoạn ống nhựa màu đỏ, hàn kín 02 đầu, bên trong chứa tinh thể rắn nghi là ma túy;

- 01 hột quẹt màu trắng xanh, có chữ Vạn X, kích thước 7,8cm x 02cm.

Qua điều tra, T khai nhận, khoảng 07 giờ 30 phút ngày 27/01/2024, T có nhậu chung với một người bạn tên T2 (không rõ tên, địa chỉ) gần C. Trong lúc nhậu chung, T2 có cho T 01 đoạn ống nhựa màu đỏ, hàn kín 02 đầu, bên trong chứa ma túy. Tín cất ma túy vào túi quần bên trái, để dành sử dụng. Sau đó, Tín điều khiển xe về nhà, trên đường về thì xảy ra va chạm giao thông và bị bắt quả tang tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tại Kết luận giám định số 91/2024/KL-KTHS ngày 05/02/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 đoạn ống nhựa màu đỏ, được niêm phong trong phong bì gửi giám định là ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng 0,2460 gam.

Vụ va quẹt giao thông, Võ Thị Kim T1 bị thương tích nhẹ. Hai bên đã tự thương lượng bồi thường xong. Nguyên nhân do Lê Trung T đi không đúng phần đường quy định. Hành vi vi phạm của Lê Trung T đã được tách ra xử phạt hành chính, là phù hợp quy định của pháp luật. Đối với xe mô tô biển số 63H9-0798, xe đạp điện, đã trao trả cho chủ sở hữu.

Quá trình điều tra, T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của T phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được.

Tại Bản Cáo trạng số 34/CT-VKSBĐ ngày 18/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Lê Trung T về tội: "***Tàng trữ trái phép chất ma túy***" theo quy định điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bị cáo Lê Trung T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại đã truy tố và vật chứng đã thu thập. Bị cáo đồng ý với kết luận giám định, các hành vi và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo T và đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo như sau:

- Về tội danh và hình phạt chính:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Trung T mức án từ **01 (Một) năm đến 02 (H1) năm tù** về tội ***"Tàng trữ trái phép chất ma túy".*** Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- **Tịch thu, tiêu hủy:** 01 phong bì niêm phong ký hiệu số 91/2024, trên phong bì có chữ ký niêm phong của Phan Trung T3, Nguyễn Thanh T4, Lê Trung T và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K Công an tỉnh B, bên trong có chất ma túy còn lại sau giám định với khối lượng 0,2201 gam, loại Methamphetamine; 01 hột quẹt màu trắng xanh, có chữ V, kích thước 7.8 cm x 2 cm. Đây là chất ma túy bị Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành và không có giá trị sử dụng.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa đổi trở thành người tốt, giúp đỡ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình tố tụng và tại phiên Tòa, bị cáo Lê Trung T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 27/01/2024, kết luận giám định ngày 05/02/2024, phù hợp với tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra. Đã đủ cơ sở xác định: Vào lúc 12 giờ 00 phút ngày 27/01/2024, tại bãi đất trống của ông Phan Thanh H, thuộc ấp A, thị trấn B, Lê Trung T đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng 0,2460 gam, với mục đích để sử dụng thì bị bắt quả tang.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục IIC, số thứ tự 247 của Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.

Vì vậy, bị cáo Lê Trung T đã phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng số 34/CT-VKSBĐ ngày 18/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại đã truy tố bị cáo Lê Trung T là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về ma túy, vi phạm vào những điều cấm của Luật phòng, chống ma túy. Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi để nhận biết việc lưu giữ, tàng trữ chất ma túy trái pháp luật sẽ bị pháp luật nghiêm trị nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích để sử dụng nhằm thỏa mãn cơn nghiện của mình, thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

[4] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, bị cáo đã thực hiện hành vi tàng trữ ma túy với khối lượng 0,2460 gam nhằm mục đích sử dụng cá nhân.

[5] Về nhân thân: Bị cáo T không có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, năm 2013, bị cáo đã bị Ủy ban nhân dân tỉnh B áp dụng biện pháp "Đưa vào cơ sở giáo dục" với thời hạn 18 tháng, đã chấp hành xong nên bị cáo có nhân thân xấu.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ "*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*" được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có ông ngoại là liệt sĩ nên Hội đồng xét xử cũng xem xét cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, việc này cũng thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả và hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Xét thấy, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, nhằm để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống. Mặt khác, còn nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm"*. Xét thấy rằng, hành vi của bị cáo cũng chưa gây hậu quả lớn cho xã hội, bị cáo không có thu nhập ổn định, hình phạt chính là hình phạt tù cũng đã đủ sức răn đe đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong ký hiệu số 91/2024, trên phong bì có chữ ký niêm phong của Phan Trung T3, Nguyễn Thanh T4, Lê Trung T và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K Công an tỉnh B, bên trong có chất ma túy còn lại sau giám định với khối lượng 0,2201 gam, loại Methamphetamine; 01 hột quẹt màu trắng xanh, có chữ V, kích thước 7.8 cm x 2 cm. Đây là các chất ma túy bị Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành và không có giá trị sử dụng.

[10] Đối với đối tượng tên T2 có cho ma túy Tín, qua xác minh do không xác định được địa chỉ, nhân thân cụ thể của người này nên không có cơ sở để xem xét xử lý.

[11] Lời phát biểu luận tội và tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên Tòa sơ thẩm về tội danh đối với bị cáo T, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt để nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Do bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Trung T phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy".*

1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Trung T **01 (Một) năm tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong ký hiệu số 91/2024, trên phong bì có chữ ký niêm phong của Phan Trung T3, Nguyễn Thanh T4, Lê Trung T và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K Công an tỉnh B, bên trong có chất ma túy còn lại sau giám định với khối lượng 0,2201 gam, loại Methamphetamine; 01 hột quẹt màu trắng xanh, có chữ V, kích thước 7.8 cm x 2 cm. Đây là các chất ma túy bị Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành và không có giá trị sử dụng.

(*Theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 24/6/2024, hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre đang quản lý*).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Trung T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Bình Đại (1b);
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại (1b);
- CQCSĐT Công an huyện Bình Đại (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND, Công an xã Thạnh Phước (2b);
- Bị cáo (1b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án và văn phòng (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Long Hồ